

Số: 240/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 04 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 853/2019/HNST ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Vũ Anh T, sinh năm 1988;

Bà Trương Thị H, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ thường trú: Số B6/3B Trần Khánh D, phường Máy T, Quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Số 2A-17-1 Chung cư Phú M, Tổ 34, Khu phố 1, đường Hoàng Quốc V, phường Phú M, Quận B, Tp. HCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trương Thị H và ông Vũ Anh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2012, quyển số 01/2012 đăng ký ngày 18/4/2012 tại UBND phường Máy T, Quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng).

Quá trình chung sống giữa bà Trương Thị H và ông Vũ Anh T phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Trương Thị H và ông Vũ Anh T là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung:

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 227/2012 Quyển số 02/2012 đăng ký ngày 15/11/2012 tại UBND phường Máy T, Quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng và Giấy khai sinh 86/2016 đăng ký ngày 07/7/2016 tại UBND phường Máy T, Quận Ngô Q,

thành phố Hải Phòng; và lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định bà Trương Thị H và ông Vũ Anh T có 02 người con chung, họ tên là Vũ Tùng L, sinh ngày 18/9/2012 và Vũ Anh M, sinh ngày 08/6/2016.

Bà Trương Thị H và ông Vũ Anh T thỏa thuận giao trẻ Vũ Tùng L cho ông Vũ Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Vũ Anh M cho bà Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị H và ông Vũ Anh T xác định không có tài sản chung, không có nợ chung.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Trương Thị H và ông Vũ Anh T phải chịu lệ phí theo quy định Pháp luật lệ phí, án phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H và ông Vũ Anh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2012, quyền số 01/2012 đăng ký ngày 18/4/2012 tại UBND phường Máy T, Quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng).

- Về con chung:

Bà Trương Thị H và ông Vũ Anh T có 02 người con chung, họ tên là Vũ Tùng L sinh ngày 18/9/2012 và Vũ Anh M sinh ngày 08/6/2016.

Giao trẻ Vũ Tùng L cho ông Vũ Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Vũ Anh M cho bà Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bà Trương Thị H và ông Vũ Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị H và ông Vũ Anh T không có tài sản chung, không có nợ chung.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị H và ông Vũ Anh T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.0000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0031974 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. HCM. Vậy, bà Trương Thị H và ông Vũ Anh T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- **UBND** phường Máy T, Quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thanh).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Như Hoa